

Số: 188 /TTr-UBND

Hà Nội, ngày 16 tháng 6 năm 2023

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định nội dung, mức chi đối với dự án phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng, thế mạnh của vùng để phát triển sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội.

A. VẤN ĐỀ TRÌNH

UBND thành phố Hà Nội trình HĐND Thành phố xem xét, chấp thuận đề nghị ban hành Nghị quyết quy định nội dung, mức chi đối với dự án phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng, thế mạnh của vùng để phát triển sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

B. CƠ SỞ PHÁP LÝ

1. Căn cứ pháp lý

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 về Chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về Khuyến nông;

Căn cứ Quyết định số 1719/2021/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04 tháng 3 năm 2022 của Bộ Tài chính về quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Chương trình số 08-CTr/TU ngày 17/3/2021 của Thành ủy Hà Nội về phát triển hệ thống an sinh xã hội, nâng cao phúc lợi xã hội, chất lượng cuộc sống của nhân dân Thủ đô giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội.

Căn cứ Kế hoạch số 13/KH-HĐND ngày 14/9/2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố về Định hướng xây dựng Nghị quyết của HĐND Thành phố Hà Nội khóa XVI, giai đoạn 2022-2026, trong đó có nội dung xây dựng Nghị quyết quy định nội dung, mức chi đối với dự án phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng, thế mạnh của vùng để phát triển sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

2. Căn cứ thực tiễn

Thời gian qua, HĐND Thành phố đã ban hành một số Nghị quyết nhằm tập trung nguồn lực để giảm tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn Thành phố nói chung và 14 xã khu vực II, khu vực I vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi nói riêng như: Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND ngày 08/7/2019 quy định một số chính sách đặc thù hỗ trợ các đối tượng thuộc hộ gia đình không có khả năng thoát nghèo và hộ gia đình sau khi thoát nghèo ổn định cuộc sống của thành phố Hà Nội; Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND ngày 05/12/2018 của HĐND Thành phố quy định một số chính sách khuyến khích phát triển sản xuất, phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; xây dựng hạ tầng nông thôn thành

phố Hà Nội; Nghị quyết số 12/2019/NQ-HĐND ngày 04/12/2019 của HĐND Thành phố về nội dung chi, mức chi đối với dự án phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn 14 xã khu vực II, khu vực I vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn thành phố Hà Nội. Kết quả đã triển khai được 33 dự án cấp thôn với số hộ tham gia là 650 hộ với tổng kinh phí thực hiện 14.134.000.000 đồng, trong đó hỗ trợ con giống 13.923.000.000 đồng; kinh phí tập huấn là 211.000.000 đồng, số bò được cấp theo dự án là 650 con, theo báo cáo của UBND các huyện đến cuối năm 2021 số bò phát triển bình thường là 638 con đạt 98,2%, các hộ được tham gia dự án đã có điều kiện vươn lên thoát nghèo, góp phần vào phát triển kinh tế xã hội tại các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Ngoài ra Thành phố cũng đã ban hành nhiều chương trình, dự án hỗ trợ trên nhiều lĩnh vực như: Phát triển sản xuất trong nông nghiệp, y tế, giáo dục, giao thông, thủy lợi... nhằm mục tiêu giảm nghèo đã mang lại hiệu quả to lớn và thiết thực, giúp tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo giảm đáng kể.

Theo kết quả rà soát hộ nghèo cuối năm 2022, toàn Thành phố còn 2.134 hộ nghèo, chiếm 0,095% tổng số hộ, hộ cận nghèo có 22.263 hộ, chiếm 0,99% trong đó 13 xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi có 117 hộ nghèo là dân tộc thiểu số chiếm 0,42%, hộ cận nghèo là dân tộc thiểu số có 306 hộ chiếm 1,09%. Quá trình triển khai tổ chức thực hiện chính sách, bước đầu đã phát huy hiệu quả, đóng góp tích cực trong thực hiện chính sách phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập cho các hộ nghèo, cận nghèo đưa tỷ lệ hộ nghèo từ 1,16% năm 2018 xuống còn 0,095% năm 2022.

Nhằm cụ thể hóa các quy định của Trung ương về thực hiện các hoạt động trợ phát triển sản xuất gắn với nhu cầu thực tiễn của Thành phố, để có cơ sở thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2021-2030, việc ban hành Nghị quyết quy định nội dung, mức chi đối với dự án phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng, thế mạnh của vùng để phát triển sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 là cần thiết.

C. THẨM QUYỀN PHÊ DUYỆT

1. Thẩm quyền thông qua về chủ trương

Được sự chấp thuận về chủ trương của Thường trực Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy, Hội đồng nhân dân Thành phố, Ban Cán sự Đảng UBND Thành phố đã chỉ đạo UBND Thành phố giao Sở Nông nghiệp và PTNT phối hợp với các cơ quan liên quan hoàn thiện dự thảo Nghị quyết và hồ sơ theo quy định đề trình HĐND Thành phố tại kỳ họp tháng 7 năm 2023.

2. Thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật

Trên cơ sở Tờ trình của UBND Thành phố về việc ban hành Nghị quyết thống nhất chủ trương ban hành Nghị quyết quy định nội dung, mức chi đối với dự án phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng, thế mạnh của vùng để phát triển sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị thuộc Chương trình mục tiêu quốc

gia phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trình HĐND Thành phố xem xét thông qua Nghị quyết. Sau khi Nghị quyết được HĐND Thành phố thông qua và ban hành, UBND Thành phố sẽ chỉ đạo các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan triển khai tổ chức thực hiện theo đúng quy định.

D. TRÌNH TỰ THỦ TỤC ĐÃ THỰC HIỆN

1. Các bước đã thực hiện

- UBND Thành phố đã chỉ đạo và giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì xây dựng Nghị quyết ban hành quy định nội dung, mức chi đối với dự án phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng, thế mạnh của vùng để phát triển sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

- Việc xây dựng Nghị quyết đã được triển khai theo đúng các bước, quy trình, và thời gian lấy ý kiến các Sở, ban, ngành, địa phương, là căn cứ để đánh giá tác động của Nghị quyết ban hành. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã xây dựng dự thảo Nghị quyết và dự thảo Tờ trình của UBND Thành phố, triển khai thực hiện các công việc theo quy định đảm bảo hiệu quả, chất lượng.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã xin ý kiến các Sở, ban, ngành, UBND các huyện có liên quan, các đối tượng thụ hưởng chính sách; Đăng tải trên cổng giao tiếp điện tử Thành phố; Các cơ quan, đơn vị đồng tình, nhất trí cao về đề nghị xây dựng Nghị quyết.

- Sở Tư pháp đã có báo cáo thẩm định về chủ trương (Báo cáo thẩm định số 100/BC-STP ngày 18/5/2023) và báo cáo thẩm định dự thảo Nghị quyết (Báo cáo thẩm định số 129/BC-STP ngày 08/6/2023).

- Ngày 31/5/2023, UBND Thành phố có Tờ trình gửi Thường trực HĐND Thành phố số 148/TTr-UBND về việc đề nghị phê duyệt chủ trương xây dựng Nghị quyết quy định nội dung, mức chi đối với dự án phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng, thế mạnh của vùng để phát triển sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

- Sau khi tiếp thu các ý kiến chỉ đạo của HĐND Thành phố, các ý kiến góp ý của Sở, ban, ngành, địa phương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị quyết và có Tờ trình số 192/TTr- SNN ngày 08/6/2023 về việc ban hành Nghị quyết.

- Thường trực HĐND Thành phố đã thống nhất chủ trương xây dựng nghị quyết tại văn bản số 113/HĐND – KTNS ngày 9/6/2023 về chủ trương xây dựng Nghị quyết quy định nội dung, mức chi đối với dự án phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng, thế mạnh của vùng để phát triển sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

- Ngày 09/6/2023, Tập thể UBND Thành phố đã thống nhất về đề nghị ban hành Nghị quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại phiên họp UBND Thành phố tháng 6/2023 (Thông báo kết luận số 579/TB-UBND ngày 15/6/2023).

- Ban cán sự đảng UBND Thành phố đã họp và thống nhất báo cáo Thường trực Thành ủy xem xét cho ý kiến về chủ trương đối với Tờ trình và Dự thảo Nghị quyết quy định nội dung, mức chi đối với dự án phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng, thế mạnh của vùng để phát triển sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (Thông báo kết luận số 226-TB/BCSD).

2. Các bước tiếp theo cần thực hiện

- UBND Thành phố trình HĐND Thành phố xem xét thông qua ban hành Nghị quyết quy định nội dung, mức chi đối với dự án phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng, thế mạnh của vùng để phát triển sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 tại kỳ họp tháng 7 năm 2023.

- Sau khi HĐND Thành phố thống nhất thông qua và ban hành Nghị quyết, UBND Thành phố sẽ chỉ đạo các sở, ban, ngành, UBND các huyện và đơn vị liên quan triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định.

E. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ QUYẾT

I. Thông qua chủ trương ban hành Nghị quyết

Nghị quyết quy định nội dung, mức chi đối với dự án phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng, thế mạnh của vùng để phát triển sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

II. Mục tiêu, nội dung cơ bản

- Nhằm cụ thể hóa nội dung hỗ trợ, mức hỗ trợ, phương thức hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất theo quy định tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ; Làm cơ sở để tổ chức triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2021-2030.

- Góp phần phát triển kinh tế - xã hội, an ninh vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của Thủ đô toàn diện, bền vững, phát huy được tiềm năng, lợi thế của vùng và tinh thần tự lực của đồng bào dân tộc thiểu số, thu hẹp dần khoảng cách về mức sống, thu nhập của vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi so với vùng nông thôn thành phố Hà Nội.

- Góp phần thực hiện giảm nghèo bền vững, hạn chế tái nghèo; phát triển sản xuất gắn với giảm nghèo trên cơ sở chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù

hợp với điều kiện của vùng, tăng thu nhập, cải thiện đời sống của người dân, góp phần hoàn thành mục tiêu xây dựng nông thôn mới.

- Góp phần tăng thu nhập bình quân đầu người 20%/năm; đến năm 2025 cơ bản bằng mức thu nhập bình quân khu vực nông thôn ngoại thành của Thành phố; cơ bản không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo của Thành phố.

1. Phạm vi của Nghị quyết

Nghị quyết này quy định nội dung, mức chi đối với dự án phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng, thế mạnh của vùng để phát triển sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của thủ đô Hà Nội giai đoạn 2021-2030 giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

2. Đối tượng của Nghị quyết

- Hộ nghèo, hộ cận nghèo người dân tộc thiểu số tại các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn thành phố Hà Nội hiện đang sản xuất nông nghiệp, có nhu cầu được hỗ trợ.

- Doanh nghiệp (sản xuất, chế biến, kinh doanh), HTX tham gia vào chuỗi giá trị có từ 70% tổng số lao động trở lên là người dân tộc thiểu số.

3. Nhiệm vụ và chính sách hỗ trợ của Nghị quyết

Nghị quyết hỗ trợ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn Thành phố được đề xuất 02 hình thức để triển thực hiện, cụ thể gồm: (1) *hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị*; (2) *hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ*.

3.1. Nội dung, mức chi hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị

a) Chi hỗ trợ tư vấn xây dựng liên kết: Chủ trì liên kết được ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% chi phí tư vấn xây dựng liên kết, chi phí khảo sát đánh giá tiềm năng phát triển chuỗi giá trị; tư vấn xây dựng hợp đồng liên kết, phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh, quy trình kỹ thuật, phương án phát triển thị trường tối đa không quá 300 triệu đồng, bao gồm:

- Chi khảo sát, điều tra xác định, lựa chọn địa bàn thực hiện kế hoạch liên kết và các hộ có nhu cầu, điều kiện để tham gia kế hoạch liên kết, nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Phụ lục 01 theo Nghị quyết này.

- Chi nghiên cứu, lập và xây dựng kế hoạch liên kết, phương án sản xuất, nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Phụ lục 02 Nghị quyết này.

b) Hỗ trợ tập huấn kỹ thuật sản xuất, nghiệp vụ quản lý, quản trị chuỗi giá trị, năng lực tìm kiếm, mở rộng thị trường tiêu thụ: Nội dung và mức chi thực hiện theo điểm a khoản 1 Điều 4 Thông tư 15/2022/TT-BTC ngày 04 tháng 3 năm 2022 của Bộ Tài chính.

c) Hỗ trợ tối đa không quá 70% kinh phí mua nguyên liệu, giống cây, con, vật tư kỹ thuật (phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật) theo kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tối đa 3 chu kỳ sản xuất cho hộ nghèo, cận nghèo là người dân tộc thiểu số.

Mức hỗ trợ tối đa đối với 01 kế hoạch liên kết không vượt quá 50% tổng chi phí thực hiện 01 kế hoạch liên kết.

Trường hợp cùng một thời điểm, nội dung có nhiều chính sách ưu đãi, hỗ trợ khác nhau (kể cả từ các chương trình, dự án khác), đối tượng thụ hưởng được lựa chọn áp dụng chính sách ưu đãi, hỗ trợ có lợi nhất.

3.2. Nội dung, mức chi hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ

Nội dung, mức chi thực hiện theo quy định tại Phụ lục 05 Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định một số nội dung, mức chi đối với hoạt động Khuyến nông địa bàn thành phố Hà Nội.

Kinh phí thực hiện một (01) dự án tối đa không quá 03 tỷ đồng. Khuyến khích bên nhận đặt hàng, các hộ gia đình, cộng đồng tham gia dự án có đóng góp đối ứng (bằng tiền, ngày công, hoặc hiện vật).

* Trong Dự thảo Nghị quyết về đối tượng, nội dung, mức chi thực hiện theo các quy định của Trung ương và Thành phố không phát sinh các nội dung có tính đặc thù hoặc vượt khung so với các quy định của Trung ương (*Có phụ lục 1 giải trình lý do đề xuất kèm theo*).

III. Dự kiến nguồn lực, điều kiện đảm bảo cho việc thi hành văn bản sau khi được thông qua

1. Dự kiến kinh phí thực hiện

- Dự kiến kinh phí thực hiện Nghị quyết:

+ Kinh phí từ Ngân sách Thành phố: **30 tỷ đồng**

+ Kinh phí đối ứng của các tổ chức, cá nhân tham gia: **30 tỷ đồng**

(*Phụ lục số 02 dự toán chi tiết kèm theo*).

2. Phương thức thực hiện và nguồn lực quản lý

2.1. Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị:

- Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Ngoài ra: Bổ sung cam kết nộp lại toàn bộ kinh phí hỗ trợ của ngân sách trong trường hợp không thực hiện đầy đủ các nội dung trong kế hoạch liên kết đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong Đơn đề nghị của chủ trì liên kết (mẫu đơn đã được quy định tại Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018); bổ sung biện pháp đảm bảo nộp lại toàn bộ kinh phí hỗ trợ của ngân sách trong trường hợp không thực hiện đầy đủ các nội dung trong kế hoạch liên kết đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (như bảo lãnh thực hiện hợp đồng với cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất) trong kế hoạch liên kết do chủ trì liên kết lập (mẫu hồ sơ và trình tự thủ tục hỗ trợ được quy định tại Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018).

- Cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất ký hợp đồng với đơn vị chủ trì liên kết triển khai thực hiện kế hoạch liên kết; giám sát, thanh toán, giải ngân vốn dựa trên kết quả nghiệm thu từng giai đoạn hoàn thành nội dung, hoạt động của kế hoạch liên kết theo tiến độ thực hiện được cấp có thẩm quyền quyết định.

2.2. Hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ: Thực hiện theo Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chí thường xuyên.

- Nguồn lực quản lý: Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì thực hiện Nghị quyết, các Sở, ban, ngành, UBND các huyện liên quan phối hợp triển khai các nhiệm vụ của Nghị quyết.

IV. THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT

Thời gian dự kiến trình HĐND Thành phố thông qua Nghị quyết quy định nội dung, mức chi đối với dự án phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng, thế mạnh của vùng để phát triển sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 vào tháng 7 năm 2023.

V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

UBND Thành phố kính trình HĐND Thành phố chấp thuận ban hành Nghị quyết quy định nội dung, mức chi đối với dự án phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng, thế mạnh của vùng để phát triển sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

(Dự thảo Nghị quyết gửi kèm theo)./. 

Nơi nhận: 

- Như trên;
- Đ/c Bí thư Thành ủy;
- Thường trực Thành ủy;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các PCT UBND Thành phố;
- Ban Kinh tế Ngân sách - HĐND Thành phố;
- Các Sở: KH&ĐT, Tư pháp, Tài chính;
- VPUB: CVP, các PCVP; các phòng CV;
- Lưu: VT, KTN Ngân.

54

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN 
KT. CHỦ TỊCH 
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Mạnh Quyền

**PHỤ LỤC 1: GIẢI TRÌNH CÁC NỘI DUNG HỖ TRỢ, MỨC CHI
ĐỀ XUẤT TRONG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**
(Kèm theo Tờ trình số 188 /TTr-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2023 của UBND Thành phố)

TT	Nội dung hỗ trợ và mức chi của Nghị quyết	Nội dung hỗ trợ và mức chi Trung ương và Thành phố đã quy định	Căn cứ đề xuất	Ghi chú
I	CÁC CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THEO QUY CƠ CHẾ TW (Đã quy định cụ thể nội dung hỗ trợ, tỷ lệ hỗ trợ tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP; Quyết định số 1719/2021/QĐ-TTg; Thông tư số 15/2022/TT-BTC; Thông tư số 02/2022/TT-UBND nhưng chưa quy định mức chi hỗ trợ cụ thể, HĐND Thành phố cần quy định mức chi)			
1	Nội dung, mức chi hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị			
a	Chi hỗ trợ tư vấn xây dựng liên kết: Chủ trì liên kết được ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% chi phí tư vấn xây dựng liên kết, chi phí khảo sát đánh giá tiềm năng phát triển chuỗi giá trị; tư vấn xây dựng hợp đồng liên kết, phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh, quy trình kỹ thuật, phương án phát triển thị trường tối đa không quá 300 triệu đồng, bao gồm : - Chi khảo sát, điều tra xác định, lựa chọn địa bàn thực hiện kế hoạch liên kết và các hộ có nhu cầu, điều kiện để tham gia kế hoạch liên kết, nội dung và mức chi thực hiện theo quy	Chi hỗ trợ tư vấn xây dựng liên kết: Chủ trì liên kết được ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% chi phí tư vấn xây dựng liên kết, chi phí khảo sát đánh giá tiềm năng phát triển chuỗi giá trị; tư vấn xây dựng hợp đồng liên kết, phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh, quy trình kỹ thuật, phương án phát triển thị trường tối đa không quá 300 triệu đồng, bao gồm : Nội dung chi: Căn cứ cứ khoản 7, khoản 8 Điều 4 và điểm a khoản 1 Điều 11 Thông tư 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính về quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương	- Nội dung chi: Căn cứ cứ khoản 7, khoản 8 Điều 4 và điểm a khoản 1 Điều 11 Thông tư 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính về quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025. - Định mức và mức chi: Vận dụng khoản 1 Điều 7 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 về Chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.	

TT	Nội dung hỗ trợ và mức chi của Nghị quyết	Nội dung hỗ trợ và mức chi Trung ương và Thành phố đã quy định	Căn cứ đề xuất	Ghi chú
	định tại Phụ lục 01 theo Nghị quyết này. - Chi nghiên cứu, lập và xây dựng kế hoạch liên kết, phương án sản xuất, nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Phụ lục 02 Nghị quyết này.	trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.		
b)	Hỗ trợ tập huấn kỹ thuật sản xuất, nghiệp vụ quản lý, quản trị chuỗi giá trị, năng lực tìm kiếm, mở rộng thị trường tiêu thụ:	Nội dung và mức chi thực hiện theo điểm a khoản 1 Điều 4 Thông tư 15/2022/TT-BTC ngày 04 tháng 3 năm 2022 của Bộ Tài chính.	Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 4 Thông tư 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.	
c)	Hỗ trợ tối đa không quá 70% kinh phí mua nguyên liệu, giống cây, con, vật tư kỹ thuật (phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật) theo kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tối đa 3 chu kỳ sản xuất cho hộ nghèo, cận nghèo là người dân tộc thiểu số.	Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;	- Nội dung chi: + Hỗ trợ mua nguyên liệu, giống cây, con, vật tư kỹ thuật: Áp dụng tại điểm c khoản 4 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; + Mức hỗ trợ tối đa 01 kế hoạch liên kết: điểm a khoản 5 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của	

TT	Nội dung hỗ trợ và mức chi của Nghị quyết	Nội dung hỗ trợ và mức chi Trung ương và Thành phố đã quy định	Căn cứ đề xuất	Ghi chú
	Mức hỗ trợ tối đa đối với 01 kế hoạch liên kết không vượt quá 50% tổng chi phí thực hiện 01 kế hoạch liên kết. Trường hợp cùng một thời điểm, nội dung có nhiều chính sách ưu đãi, hỗ trợ khác nhau (kể cả từ các chương trình, dự án khác), đối tượng thụ hưởng được lựa chọn áp dụng chính sách ưu đãi, hỗ trợ có lợi nhất.		Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; - Mức chi: + Vận dụng điểm b khoản 1 Điều 29 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 về Khuyến nông, trong đó có quy định mức hỗ trợ tối đa 70% chi phí về giống, thiết bị, vật tư thiết yếu ở địa bàn trung du, miền núi bãi ngang. + Vận dụng điểm c khoản 1 Điều 9 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018, trong đó có quy hỗ trợ tối đa không quá 3 vụ hoặc 3 chu kỳ sản xuất.	
2	Nội dung, mức chi hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ			
	- Nội dung, mức chi thực hiện theo quy định tại Phụ lục 05 Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định một số nội dung, mức chi đối với hoạt động Khuyến nông địa bàn thành phố Hà Nội.	- Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; - Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm,	- Tại khoản 2 Điều 23 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ Quy định “Quy trình, thủ tục, nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ thực hiện theo quy định của Chính phủ về giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên; Hiện tại nội dung	

TT	Nội dung hỗ trợ và mức chi của Nghị quyết	Nội dung hỗ trợ và mức chi Trung ương và Thành phố đã quy định	Căn cứ đề xuất	Ghi chú
	- Kinh phí thực hiện một (01) dự án tối đa không quá 03 tỷ đồng. Khuyến khích bên nhận đặt hàng, các hộ gia đình, cộng đồng tham gia dự án có đóng góp đối ứng (bằng tiền, ngày công, hoặc hiện vật)	dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí thường xuyên; - Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND Thành phố về việc quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của HĐND Thành phố.	này được quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí thường xuyên; - Tại khoản IV. Hoạt động sự nghiệp khác của biểu số 1 Quyết định số 2865/QĐ-UBND ngày về việc ban hành Danh mục sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Sự nghiệp kinh tế) của thành phố Hà Nội có hạng mục hoạt động khuyến nông, chính vì vậy Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề xuất áp dụng theo các quy định tại Phụ lục 5 Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND Thành phố về việc quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của HĐND Thành phố.	

PHỤ LỤC 02: DỰ TOÁN CHI TIẾT

Kinh phí thực hiện Nghị quyết thông qua chủ trương ban hành quy định nội dung, mức chi đối với dự án phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng, thế mạnh của vùng để phát triển sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025

(Kèm theo Tờ trình số 188/TTr-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2023 của UBND Thành phố)

TT	ĐỊA BÀN THỰC HIỆN		SỐ HỘ (Nghèo, cận nghèo)	LOẠI HÌNH CN	TỔNG KINH PHÍ DỰ KIẾN (1.000 đồng)	TRONG ĐÓ		GHI CHÚ
	TÊN XÃ	TÊN HUYỆN				DỰ KIẾN KP NGÂN SÁCH (1.000 đồng)	DỰ KIẾN KP ĐỐI ỨNG (1.000 đồng)	
1	Vân Hòa	Ba Vì	60	bò sữa	12.335.761	6.277.741	6.058.020	
2	Yên Bài		25	bò sữa	5.234.931	2.664.087	2.570.844	
3	Tản Lĩnh		33	bò sữa	6.857.978	3.490.065	3.367.913	
4	Khánh Thượng		39	Bò sinh sản	3.790.235	1.928.873	1.861.362	
5	Minh Quang		29	Bò sinh sản	2.860.152	1.455.548	1.404.604	
6	Ba Trại		47	Bò sinh sản	4.534.302	2.307.533	2.226.769	
7	Ba Vì		20	Lợn sinh sản	2.849.505	1.450.130	1.399.375	

TT	ĐỊA BÀN THỰC HIỆN		SỐ HỘ (Nghèo, cận nghèo)	LOẠI HÌNH CN	TỔNG KINH PHÍ DỰ KIẾN (1.000 đồng)	TRONG ĐÓ		GHI CHÚ
	TÊN XÃ	TÊN HUYỆN				DỰ KIẾN KP NGÂN SÁCH (1.000 đồng)	DỰ KIẾN KP ĐỐI ỨNG (1.000 đồng)	
8	Yên Bình, Yên Trung	Thạch Thất	21	Trâu Sinh sản	2.002.592	1.019.131	983.461	
9	Tiến Xuân, Phú Mãn	Quốc Oai	21	Bò sinh sản	2.116.085	1.076.888	1.039.197	
	Đông Xuân		12	Lợn sinh sản	1.774.867	903.240	871.627	
10	An Phú	Mỹ Đức	75	Trâu Sinh sản	10.298.506	5.240.970	5.057.536	
			11	Bò sinh sản	1.186.001	603.563	582.438	
			30	Lợn sinh sản	4.192.803	2.133.742	2.059.061	
TỔNG DỰ KIẾN KINH PHÍ			423		60.033.719	30.551.511	29.482.208	
TỔNG DỰ KIẾN KINH PHÍ LÀM TRÒN					60.000.000			

Bảng chữ: Sáu mươi tỷ đồng chẵn./.

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *129*/BC-STP

Hà Nội, ngày 08 tháng 6 năm 2023

BÁO CÁO

Thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định nội dung, mức chi đối với dự án phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng, thế mạnh của vùng để phát triển sản xuất hàng hoá theo chuỗi giá trị thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2021 – 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội

Sở Tư pháp tiến hành thẩm định đối với đề nghị xây dựng Nghị quyết quy định nội dung, mức chi đối với dự án phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng, thế mạnh của vùng để phát triển sản xuất hàng hoá theo chuỗi giá trị thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2021 – 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 1589/SNN-CCPTNT ngày 31/5/2023. Hồ sơ đề nghị thẩm định bao gồm: Dự thảo Tờ trình của UBND Thành phố; dự thảo Nghị quyết; Báo cáo tổng hợp tiếp thu ý kiến góp ý của các đơn vị; dự thảo Báo cáo đánh giá tác động chính sách và các tài liệu khác. Trên cơ sở hồ sơ nhận được, Sở Tư pháp có ý kiến thẩm định như sau:

1. Về sự cần thiết, thẩm quyền ban hành Nghị quyết

Ngày 11/11/2021 Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội đã ban hành Kế hoạch số 253/KH-UBND ngày 11/11/2021 thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2021-2030. Tại Nội dung 3 Mục 1.3 Phần III của Kế hoạch số 253/KH-UBND đã nêu: “Nội dung 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, du lịch, củng cố phát triển ngành, nghề truyền thống, làng nghề, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng, miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị. Kinh phí: 369,783 tỷ đồng.”. Như vậy, phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị là một trong những nội dung trong Kế hoạch của Thành phố.

Điểm d Khoản 1 Điều 40 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022



của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia quy định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định: “d) Nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất theo quy định tại Điều 21, Điều 22, Điều 23 Nghị định này.”. Do đó, việc đề xuất của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là có căn cứ pháp lý.

Tuy nhiên, tại Tờ trình, cơ quan soạn thảo cần phải bổ sung trích dẫn, giải trình cụ thể, đầy đủ sự cần thiết, cơ sở pháp lý ban hành văn bản, không liệt kê chung chung các văn bản pháp luật.

2. Căn cứ pháp lý

Theo quy định tại khoản 1 Điều 61 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật thì: “*Căn cứ ban hành văn bản là văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý cao hơn đang có hiệu lực hoặc đã được công bố hoặc ký ban hành chưa có hiệu lực nhưng phải có hiệu lực trước hoặc cùng thời điểm với văn bản được ban hành.*”. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo không viết “Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ...” mà viết thành “Thực hiện Quyết định số 1719/QĐ-TTg...” đồng thời chuyển nội dung này xuống trước “Xét Tờ trình...”

3. Đối tượng, phạm vi điều chỉnh

Về cơ bản đối tượng, phạm vi điều chỉnh tại dự thảo đã đảm bảo đúng đối tượng được quy định tại Nội dung số 01 Tiểu dự án 2 của Dự án 3 Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

4. Nội dung dự thảo Nghị quyết

*** Nội dung, mức chi hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị:**

Đối với chi hỗ trợ tư vấn xây dựng liên kết: Tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp quy định: “Chủ trì liên kết được ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% chi phí tư vấn xây dựng liên kết, tối đa không quá 300 triệu đồng, **bao gồm** tư vấn, nghiên cứu đề xây dựng hợp đồng liên kết, dự án liên kết, phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh, phát triển thị trường.”. Đề nghị cơ quan soạn thảo căn cứ vào quy định này để làm rõ các hoạt động bao gồm trong tư vấn xây dựng liên kết, đồng thời

X.H.

3 TU

4/VH P

việc hỗ trợ phải gắn với sản phẩm cụ thể như hợp đồng liên kết, dự án liên kết, phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh, phát triển thị trường.

Ngoài ra, tại Phụ lục 02 đề nghị cơ quan soạn thảo làm rõ cơ sở đề xuất các chức danh xây dựng nhiệm vụ liên kết và cơ sở đề xuất áp dụng theo Điều 4 Thông tư số 02/2023/TT-BKHHCN ngày 08/5/2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ Hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước.

*** Nội dung, mức chi hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ**

Đề nghị cơ quan soạn thảo giải trình rõ cơ sở áp dụng theo Phụ lục 05 Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội quy định một số nội dung, mức chi đối với hoạt động Khuyến nông địa bàn thành phố Hà Nội vì các mức chi tại Phụ lục 05 là dành cho các hoạt động khuyến nông, không gắn với phát triển liên kết theo chuỗi giá trị.

*** Về phương thức thực hiện**

Đề nghị cơ quan soạn thảo giải trình rõ nội dung “Bổ sung cam kết nộp lại toàn bộ kinh phí hỗ trợ của ngân sách trong trường hợp không thực hiện đầy đủ các nội dung trong kế hoạch liên kết đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong Đơn đề nghị của chủ trì liên kết (mẫu đơn đã được quy định tại Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018); bổ sung biện pháp đảm bảo nộp lại toàn bộ kinh phí hỗ trợ của ngân sách trong trường hợp không thực hiện đầy đủ các nội dung trong kế hoạch liên kết đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (như bảo lãnh thực hiện hợp đồng với cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất) trong kế hoạch liên kết do chủ trì liên kết lập (mẫu hồ sơ và trình tự thủ tục hỗ trợ được quy định tại Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018)”.

5. Thể thức, kỹ thuật trình bày

Đề nghị cơ quan soạn thảo thực hiện theo quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Cơ quan soạn thảo xem xét kết cấu lại Điều 1 tách thành các điều khoản với tên điều cụ thể rõ ràng, không sử dụng các dấu “-“ “+” mà trình bày thành các khoản điểm.

Từ những nội dung nêu trên, Sở Tư pháp nhận thấy để dự thảo nghị quyết

đủ điều kiện báo cáo UBND Thành phố xem xét trình HĐND Thành phố ban hành thì cơ quan soạn thảo cần nghiên cứu chỉnh sửa, hoàn thiện lại dự thảo.

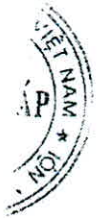
Trên đây là ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND Thành phố;
- Đ/c Giám đốc Sở;
- Lưu: VP, VB PQ_(N.H).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Công Anh



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~100~~/BC-STP

Hà Nội, ngày 18 tháng 5 năm 2023

BÁO CÁO

Thẩm định đề nghị xây dựng Nghị quyết ban hành quy định nội dung, mức chi, xây dựng quản lý chuyên môn đối với dự án phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng, thế mạnh của vùng để phát triển sản xuất hàng hoá theo chuỗi giá trị thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội

Sở Tư pháp tiến hành thẩm định đối với đề nghị xây dựng Nghị quyết quy định nội dung, mức chi, xây dựng quản lý chuyên môn đối với dự án phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng, thế mạnh của vùng để phát triển sản xuất hàng hoá theo chuỗi giá trị thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 1328/SNN-KT&CS ngày 15/5/2023. Sau khi nghiên cứu dự thảo và các tài liệu kèm theo, đối chiếu với quy định của pháp luật, Sở Tư pháp có ý kiến như sau:

1. Sự cần thiết ban hành văn bản

Ngày 18/11/2019 Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 88/2019/NQ-QH14 ngày 18/11/2019 88/2019/QH14 về phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.

Ngày 14/10/2021 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1719/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

Ngày 11/11/2021 Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội đã ban hành Kế hoạch số 253/KH-UBND ngày 11/11/2021 thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2021-2030. Tại Nội dung 3 Mục 1.3 Phần III của Kế hoạch số 253/KH-UBND đã nêu: “Nội dung 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, du lịch, củng cố phát triển ngành, nghề truyền thống, làng nghề, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng, miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi



giá trị.Kinh phí: 369,783 tỷ đồng.”. Như vậy, phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị là một trong những nội dung trong Kế hoạch của Thành phố.

Tại Khoản 1 Điều 40 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP quy định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh **trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định**:

“a) Mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương; nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia tại địa phương.

b) Cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia, giữa các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác trên địa bàn theo quy định tại Điều 10 Nghị định này.

c) Cơ chế huy động các nguồn lực khác quy định tại Điều 11, Điều 12 Nghị định này.

d) Nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất theo quy định tại Điều 21, Điều 22, Điều 23 Nghị định này.”.

Mặt khác, đối với kinh phí sự nghiệp, tại Khoản 4 Điều 61 Thông tư số 15/2022/TT-BTC quy định: “Trường hợp trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình có phát sinh các **khoản chi đặc thù chưa được quy định** trong các văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính và Thông tư này; **Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định** phù hợp với khả năng ngân sách của địa phương theo quy định tại khoản 3 Điều 21 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước.”.

Căn cứ vào các quy định trên, việc đề xuất của cơ quan soạn thảo là có cơ sở pháp lý.

2. Đối tượng, phạm vi điều chỉnh

Cơ quan soạn thảo cần rà soát lại trích yếu, đối tượng, phạm vi điều chỉnh của văn bản để đảm bảo thực hiện đúng các văn bản pháp luật.

3. Các nội dung cụ thể

- Đối với các nội dung chi, mức chi: Sở Tài chính đã có Công văn số 2258/STC-TCHCSN ngày 24/4/2023 về việc góp ý dự thảo Nghị quyết về nội dung chi, mức chi, xây dựng quản lý chuyên môn đối với dự án phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng, thế mạnh của vùng để phát triển sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2021-2030. Đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp tục

thống nhất các nội dung chỉnh sửa với Sở Tài chính để đảm bảo đúng quy định.

Đồng thời, với từng nội dung chi, mức chi thì cơ quan soạn thảo cần phải giải trình rõ trong Tờ trình cơ sở pháp lý đề xuất.

- Đối với hồ sơ, trình tự thực hiện: Theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 40 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP quy định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh **trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định**: “Nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất theo quy định tại Điều 21, Điều 22, Điều 23 Nghị định này”. Theo quy định này thì giao Hội đồng nhân dân quyết định mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo cần nghiên cứu làm rõ các nội dung được giao thẩm quyền.

Từ những nội dung thẩm định nêu trên, Sở Tư pháp nhận thấy hồ sơ cơ bản đủ điều kiện để báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố trình Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, chấp thuận đề nghị xây dựng Nghị quyết. Tuy nhiên, để đảm bảo việc xây dựng Nghị quyết đúng quy định, rõ ràng, minh bạch, thuận lợi cho việc triển khai thực hiện, đề nghị cơ quan soạn thảo chỉnh sửa, bổ sung, giải trình làm rõ một số nội dung trong hồ sơ đề nghị xây dựng dự thảo Nghị quyết theo ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp trước khi trình UBND Thành phố xem xét thông qua.

Trên đây là ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp đối với hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết của HĐND Thành phố gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Giám đốc Sở;
- Lưu: VP, VBQP.



Số: /2023/NQ-HĐND

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Quy định nội dung, mức chi đối với dự án phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng, thế mạnh của vùng để phát triển sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ**

(từ ngày...../...../2023 đến ngày...../ /2023)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính Phủ về Khuyến nông;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 về Chính

sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04 tháng 3 năm 2022 của Bộ Tài chính về quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Ủy Ban Dân tộc Hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Thực hiện Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND thành phố Hà Nội đề nghị ban hành Nghị quyết về nội dung chi, mức chi đối với dự án phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng, thế mạnh của vùng để phát triển sản xuất hàng hóa thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trình Hội đồng nhân dân Thành phố; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân Thành phố số /BC-HĐND ngày / /2023; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp.....

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Nghị quyết quy định nội dung, mức chi đối với dự án phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng, thế mạnh của vùng để phát triển sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 với các nội dung chính như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng và điều kiện áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung, mức chi đối với dự án phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng, thế mạnh của vùng để phát triển sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

b) Đối tượng và điều kiện áp dụng

- Hộ nghèo, hộ cận nghèo người dân tộc thiểu số tại các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn thành phố Hà Nội hiện đang sản xuất nông nghiệp có nhu cầu được hỗ trợ.

- Doanh nghiệp (sản xuất, chế biến, kinh doanh), Hợp tác xã tham gia vào chuỗi giá trị có từ 70% tổng số lao động trở lên là người dân tộc thiểu số.

2. Nội dung, mức chi

2.1. Điều kiện, nội dung, mức chi hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị

2.1.1. Điều kiện hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị.

Thực hiện theo khoản 1 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

2.1.2. Nội dung, mức chi hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị

a) Chi hỗ trợ tư vấn xây dựng liên kết: Chủ trì liên kết được ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% chi phí tư vấn xây dựng liên kết, chi phí khảo sát đánh giá tiềm năng phát triển chuỗi giá trị; tư vấn xây dựng hợp đồng liên kết, phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh, quy trình kỹ thuật, phương án phát triển thị trường tối đa không quá 300 triệu đồng, bao gồm:

- Chi khảo sát, điều tra xác định, lựa chọn địa bàn thực hiện kế hoạch liên kết và các hộ có nhu cầu, điều kiện để tham gia kế hoạch liên kết, nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Phụ lục 01 theo Nghị quyết này.

- Chi nghiên cứu, lập và xây dựng kế hoạch liên kết, phương án sản xuất, nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Phụ lục 02 Nghị quyết này.

b) Hỗ trợ tập huấn kỹ thuật sản xuất, nghiệp vụ quản lý, quản trị chuỗi giá trị, năng lực tìm kiếm, mở rộng thị trường tiêu thụ: Nội dung và mức chi thực hiện theo điểm a khoản 1 Điều 4 Thông tư 15/2022/TT-BTC ngày 04 tháng 3 năm 2022 của Bộ Tài chính.

c) Hỗ trợ tối đa không quá 70% kinh phí mua nguyên liệu, giống cây, con, vật tư kỹ thuật (phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật) theo kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tối đa 3 chu kỳ sản xuất cho hộ nghèo, cận nghèo là người dân tộc thiểu số.

Mức hỗ trợ tối đa không vượt quá 50% tổng chi phí thực hiện 01 kế hoạch liên kết.

Trường hợp cùng một thời điểm, nội dung có nhiều chính sách ưu đãi, hỗ trợ khác nhau (kể cả từ các chương trình, dự án khác), đối tượng thụ hưởng được lựa chọn áp dụng chính sách ưu đãi, hỗ trợ có lợi nhất.

2.2. Điều kiện, nội dung, mức chi hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ

2.2.1. Điều kiện hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ

- Sau tối đa 30 ngày kể từ ngày cơ quan, đơn vị được giao vốn có văn bản gửi đến UBND huyện, xã để thông báo tới các Doanh nghiệp, hợp tác xã đề nghị đăng ký tham gia chuỗi liên kết nhưng không có sự tham gia của doanh nghiệp,

hợp tác xã thì các đối tượng được hỗ trợ chuyển sang thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ.

- Tối thiểu 70% phần kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước phải được dùng để hỗ trợ các hoạt động phát triển sản xuất liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất của người dân.

2.2.2. Nội dung, mức chi hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ

Nội dung, mức chi thực hiện theo quy định tại Phụ lục 05 Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định một số nội dung, mức chi đối với hoạt động Khuyến nông địa bàn thành phố Hà Nội.

Kinh phí thực hiện một (01) dự án tối đa không quá 03 tỷ đồng. Khuyến khích bên nhận đặt hàng, các hộ gia đình, cộng đồng tham gia dự án có đóng góp đối ứng (bằng tiền, ngày công, hoặc hiện vật).

3. Phương thức thực hiện

3.1. Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị:

- Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia. Ngoài ra: Bổ sung cam kết nộp lại toàn bộ kinh phí hỗ trợ của ngân sách trong trường hợp không thực hiện đầy đủ các nội dung trong kế hoạch liên kết đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong Đơn đề nghị của chủ trì liên kết (mẫu đơn đã được quy định tại Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018); bổ sung biện pháp đảm bảo nộp lại toàn bộ kinh phí hỗ trợ của ngân sách trong trường hợp không thực hiện đầy đủ các nội dung trong kế hoạch liên kết đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (như bảo lãnh thực hiện hợp đồng với cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất) trong kế hoạch liên kết do chủ trì liên kết lập (mẫu hồ sơ và trình tự thủ tục hỗ trợ được quy định tại Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018).

- Cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất ký hợp đồng với đơn vị chủ trì liên kết triển khai thực hiện kế hoạch liên kết; giám sát, thanh toán, giải ngân vốn dựa trên kết quả nghiệm thu từng giai đoạn hoàn thành nội dung, hoạt động của kế hoạch liên kết theo tiến độ thực hiện được cấp có thẩm quyền quyết định.

3.2. Hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ: Thực hiện theo Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chí thường xuyên.

4. Nguồn kinh phí thực hiện: Nguồn ngân sách Thành phố.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố:

- Tổ chức thực hiện quy định tại Nghị quyết này.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, thông báo công khai, rộng rãi nội dung chính sách hỗ trợ để các tổ chức, cá nhân biết, thực hiện. Tổ chức kiểm tra, giám sát và kịp thời xử lý các vi phạm trong việc thực hiện chính sách.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố, các tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát quá trình tổ chức thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội tham gia tuyên truyền và giám sát thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Điều khoản thi hành

Trường hợp các văn bản trích dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng văn bản khác thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

Nghị quyết đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội Khóa XVI, kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2023 và có hiệu lực từ ngày / đến ngày 31/12/2025.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban công tác đại biểu UVTW Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng chính phủ;
- Các Bộ: Tư pháp; Tài chính; Công thương; LĐTBXH; Văn hóa, Thể thao & Du lịch; Nội vụ; Tài nguyên & Môi trường; Giáo dục & Đào tạo;
- Thường trực Thành ủy Hà Nội;
- Đoàn ĐB Quốc hội TP Hà Nội;
- TT HĐND, UBND Thành phố, UBND TP Hà Nội;
- Đại biểu HĐND Thành phố;
- Các Ban HĐND Thành phố;
- Văn phòng Thành ủy, các Ban đảng TU;
- VP HĐND TP, VP UBND TP;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể Thành phố;
- TT HĐND, UBND các quận, huyện, thị xã;
- Công báo thành phố Hà Nội, Cổng GTĐT Thành phố;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc Tuấn

PHỤ LỤC 01

CHI KHẢO SÁT, ĐIỀU TRA XÁC ĐỊNH, LỰA CHỌN ĐỊA BÀN THỰC HIỆN KẾ HOẠCH LIÊN KẾT VÀ CÁC HỘ CÓ NHU CẦU, ĐIỀU KIỆN THAM GIA LIÊN KẾT

(Kèm theo Nghị quyết số /2023/NQ-HĐND ngày tháng năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội).

STT	Nội dung	Mức chi
1	Chi xây dựng phương án điều tra và lập mẫu phiếu điều tra	Căn cứ khoản 7 Điều 4 Thông tư 15/2022/TT-BTC của Bộ Tài chính về quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.
2	Chi tổng hợp, phân tích, đánh giá kết quả khảo sát, điều tra	
3	Chi tiền công khảo sát điều tra	
-	Chi tiền công khảo sát điều tra	
-	Chi tiền công cho người dẫn đường	
4	Chi cho đối tượng cung cấp thông tin	
a)	Đối với cá nhân	
-	Dưới 30 chỉ tiêu hoặc 30 chỉ tiêu	
-	Trên 30 chỉ tiêu đến 40 chỉ tiêu	
-	Trên 40 chỉ tiêu	
b)	Đối với tổ chức <i>(Không bao gồm các cơ quan, đơn vị của nhà nước thực hiện cung cấp thông tin theo quy định)</i>	
	Dưới 30 hoặc 30 chỉ tiêu	
-	Từ 31 chỉ tiêu đến 40 chỉ tiêu	
-	Trên 40 chỉ tiêu	
c)	Đối tượng cung cấp thông tin là cơ quan đơn vị của nhà nước	
5	Chi vận chuyển tài liệu khảo sát, điều tra, thuê xe phục vụ khảo sát điều tra	
6	Chi xử lý kết quả khảo sát điều tra	
7	Các khoản chi khác liên quan đến khảo sát, điều tra <i>(Văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, xăng xe và các khoản chi phí khác để thực hiện nhiệm vụ liên quan đến công tác khảo sát điều tra)</i>	

PHỤ LỤC 02

**CHI NGHIÊN CỨU, LẬP VÀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH CHI TIẾT THỰC
HIỆN KẾ HOẠCH LIÊN KẾT, PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT**

*(Kèm theo Nghị quyết số /2023/NQ-HĐND ngày tháng năm 2023
của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)*

TT	Chức danh/Nội dung công việc	Mức chi
I	Hệ số công lao động của các chức danh xây dựng nhiệm vụ liên kết (tính theo mức lương cơ sở hiện hành)	Căn cứ khoản 8 Điều 4 Thông tư 15/2022/TT-BTC của Bộ Tài chính về quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.
1	Chủ nhiệm nhiệm vụ	
2	Thư ký	
3	Thành viên chính	
4	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	
II	Chi vật tư, văn phòng phẩm: Thanh toán theo thực tế	